

THÔNG BÁO

Nộp chứng chỉ ngoại ngữ để quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh và xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy chương trình đào tạo tiếng Việt khóa 2026

Căn cứ Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 2873/KH-ĐHCNKT ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào dành cho sinh viên thuộc các chương trình đào tạo tiếng Việt khóa 2026;

Căn cứ đề xuất của Khoa Ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh cho các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp từ khóa 2026.

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo đến sinh viên đại học chính quy thuộc các chương trình đào tạo tiếng Việt khóa 2026 về việc nộp chứng chỉ ngoại ngữ để quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp, xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ như sau:

1. Đối tượng

Sinh viên đại học chính quy thuộc các chương trình đào tạo tiếng Việt khóa 2026 (không áp dụng đối với sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, các chương trình đào tạo Việt-Nhật).

2. Thời gian đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh

Từ ngày **08/9/2026** đến hết ngày **20/9/2026** trên trang online của Trường tại địa chỉ: <https://online.hcmute.edu.vn> (xem Hướng dẫn đính kèm Thông báo).

3. Quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp

Sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh trong “Bảng quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp” được quy đổi điểm tương ứng theo Phụ lục đính kèm Thông báo.

Sinh viên được quy đổi điểm Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp thì được miễn thi tiếng Anh đầu vào.

4. Xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc) đạt từ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương sẽ được xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo *Phụ lục đính kèm Thông báo*.

Trong trường hợp chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của một số chương trình đào tạo có sự thay đổi bắt buộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Trường sẽ thông báo để sinh viên cập nhật chứng chỉ ngoại ngữ đúng theo yêu cầu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các Khoa/Viện;
- Sinh viên ĐHCQ khóa 2026;
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
ThS.★Phạm Thị Thu Sương

PHỤ LỤC

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG ANH SƠ CẤP VÀ TRUNG CẤP

Áp dụng đối với chứng chỉ tiếng Anh đánh giá đủ 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết

(Kèm theo Thông báo số 3019 /TB-ĐHCNKT ngày 08 tháng 9 năm 2026)

1. Học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp (Mã học phần: ENCO140126)

Chứng chỉ \ Điểm quy đổi	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10
VSTEP A2	6,5	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5–10
VSTEP B1							4,0
TOEFL iBT (thang 0-120)	24-26	27-29	30–32	33-35	36-38	39-41	42-43
TOEFL iBT (thang 1-6)	2						2,5
Aptis ESOL General (4 kỹ năng)	66–70	71–78	79–82	83–86	87–90	91–94	95
Aptis ESOL Advanced (4 kỹ năng)							74
VEPT	30–31	32–33	34–35	36–37	38–39	40–41	42
B1 Preliminary (PET)	120–122	123–125	126–128	129–131	132–134	135–137	138
B2 First (FCE)							140
PTE Academic	30–31	32–33	34–35	36–37	38–39	40–41	42
Linguaskill (4 kỹ năng)	120–122	123–125	126–128	129–131	132–134	135–137	138
IELTS							4,0
PEIC -Level 1(A 2)	50–54	55–59	60–64	65–69	70–79	80–89	90–100
PEIC -Level 2	40	41–42	43	44–45	46	47–48	49
TOEIC (4 kỹ năng)	385–440	445–500	505–560	565–620	625–675	680–730	735

2. Học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp (Mã học phần: ENCO240226)

Chứng chỉ \ Điểm quy đổi	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5	10
VSTEP B1	4,0		4,5		5,0		5,5
IELTS	4,0			4,5			5,0
TOEFL iBT (Thang 0-120)	44-47	48-51	52-55	56-59	60-63	64-67	68-71
TOEFL iBT (Thang 1-6)	3						3,5
Aptis ESOL General (4 kỹ năng)	102-110	111-118	119-126	127-134	135-138	139-146	147
Aptis ESOL Advanced (4 kỹ năng)	74-76		77-78		79-81	82-84	85
PTE Academic	43-45	46-48	49-50	51-52	53-54	55-56	57-58
VEPT	43-46	47-50	51-54	55-57	58-60	61-63	64
B1 Preliminary (PET)	140-142	143-145	146-148	149-152	153-155	156-158	159
B2 First (FCE)	140-142	143-145	146-148	149-151	152-154	155-157	158
Linguaskill (4 kỹ năng)	140-142	143-145	146-148	149-151	152-154	155-157	158
PEIC-Level 2	50-54	55-59	60-64	65-69	70-79	80-89	90-100
TOEIC (4 kỹ năng)	790-830	835-875	880-920	925-965	970-1010	1015-1050	1055

Điều kiện áp dụng:

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ hoặc phiếu kết quả chính thức do Tổ chức khảo thí có thẩm quyền cấp, còn thời hạn và xác thực được.
- Chứng chỉ phải có kết quả đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết; không sử dụng kết quả thi từng kỹ năng riêng lẻ để quy đổi toàn bộ học phần.
- Đối với TOEIC 4 kỹ năng: ngoài tổng điểm, từng kỹ năng phải đạt tối thiểu. Học phần Tiếng Anh giao tiếp sơ cấp: Nghe: 110, Đọc: 115, Nói: 90, Viết: 70. Học phần Tiếng Anh giao tiếp trung cấp: Nghe: 275, Đọc: 275, Nói: 120, Viết: 120.
- Đối với Linguaskill: học phần Tiếng Anh giao tiếp sơ cấp yêu cầu từng kỹ năng đạt tối thiểu 120; học phần Tiếng Anh giao tiếp trung cấp yêu cầu từng kỹ năng đạt tối thiểu 140.
- PTE Academic áp dụng thang điểm đã được Bộ GDĐT công nhận tại Quyết định số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024: A2: 30-42 và B1: 43-58.
- Đối với TOEFL iBT thi trước ngày 21/01/2026, sử dụng thang điểm 0-120. Đối với TOEFL iBT thi từ ngày 21/01/2026, sử dụng thang điểm 1-6.
- Điểm cao hơn giới hạn trên của bảng được quy đổi 10 điểm cho học phần tương ứng, với điều kiện đáp ứng đầy đủ yêu cầu từng kỹ năng.

3. Mức đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

Ngôn ngữ	Chứng chỉ	Mức điểm tối thiểu
Tiếng Anh	VSTEP B1	4,0
	IELTS	4,0
	TOEFL iBT (Thang 0-120)	44
	TOEFL iBT (Thang 1-6)	3
	Aptis ESOL General (4 kỹ năng)	102
	Aptis ESOL Advanced (4 kỹ năng)	74
	PTE Academic	43
	VEPT	43
	B1 Preliminary (PET)	140
	B2 First (FCE)	140
	Linguaskill (4 kỹ năng)	140
	PEIC-Level 2	50
	TOEIC (4 kỹ năng)	790
Tiếng Nhật	N4, J4	
Tiếng Pháp	TCF: 300-399, Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	
Tiếng Đức	Goethe-Zertifikat B1 <i>hoặc</i> TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	
Tiếng Trung Quốc	HSK Bậc 3	
Tiếng Nga	TPKH-1	
Tiếng Hàn Quốc	Topik II level 3	

HƯỚNG DẪN

Đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh trên trang online của Trường để quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp, xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

(Kèm theo Thông báo số: 3019 /TB-ĐHCNKT ngày 08 /9 /2026)

I. Đường dẫn

Sau khi đăng nhập tài khoản sinh viên trên trang online tại đường dẫn: <https://online.hcmute.edu.vn>; chọn mục “CHỨC NĂNG TRỰC TUYẾN”, chọn “Đăng ký các mẫu đơn”. Giao diện như bên dưới:

II. Quy đổi điểm các học phần Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp và trung cấp.

Bước 1: Tại mục Năm học, chọn “2026-2027”.

Bước 2: Tại mục Học kỳ, chọn “Học kỳ 1”.

Bước 3: Tại mục Loại đăng ký, chọn “Chuyển điểm ngoại ngữ”.

Bước 4: Tại mục Đợt đăng ký, chọn đợt “Chuyển điểm HP TAGT Sơ cấp và Trung cấp_HK1/26-27_Khóa 2026 (05/09/2026 - 12/09/2026)”

Bước 5: Tải file minh chứng: nhấn vào biểu tượng  chọn hình ảnh chứng chỉ cần nộp => Open => File minh chứng:   Xem file

Bước 6: Sinh viên nhập các thông tin “Điểm nghe”, “Điểm đọc”, “Điểm nói”, “Điểm viết”, “Điểm tổng”, “Ngày thi”, “Địa điểm thi”, “Loại đăng ký”, Identification number.

Chú ý:

- Nếu sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ IELTS, sinh viên lưu ý nhập thông tin “Test Report Form Number” tại mục “Identification number”.

- Địa điểm thi: nhập nơi cấp chứng chỉ, ví dụ: IIG-VN, BritishCouncil, Trường ĐH KHXH-NV, Trường ĐH Ngân hàng,...

Bước 7: Sinh viên chọn đúng các học phần ngoại ngữ cần chuyển điểm tương ứng với mã học phần, tên học phần trong chương trình đào tạo.

- ENCO140126 - Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp
- ENCO240226 - Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp

- Sau khi chọn các học phần cần chuyển điểm, sinh viên click vào “Xem danh sách đã chọn” => Kiểm tra đủ các học phần, mã học phần đã chọn, nhấn “Thoát”.

- Nhấn nút lưu, sẽ có thông báo cập nhật thành công.

- Hệ thống hiển thị trạng thái “Đang xử lý”, sinh viên vui lòng chờ kết quả hậu kiểm chứng chỉ và cập nhật điểm trên hệ thống trong khoảng thời gian từ 3 ~ 5 tuần, phòng Đào tạo sẽ gửi thông báo trên trang online khi hoàn tất quá trình chuyển điểm.

STT	Mã môn	Tên môn	Trạng thái	Phản hồi
1	EHQ230337E	Academic English 2		
2	ACEN340335E	Academic English 1		

III. Xác nhận đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ

Chương trình đào tạo	Năm học	Học kỳ	Loại đăng ký
26161	2026-2027	Học kỳ 1	Miễn thi ngoại ngữ

Điểm Nghe	Điểm Nói	Điểm Đọc	Điểm Viết

Tổng điểm	Ngày thi	Địa điểm thi	Loại đăng ký

Identification Number

Bước 1: Tại mục Năm học, chọn “2026-2027”

Bước 2: Tại mục Học kỳ, chọn “Học kỳ 1”.

Bước 3: Tại mục Loại đăng ký, chọn “Miễn thi ngoại ngữ”

Bước 4: Tại mục Đợt đăng ký, chọn đợt “K26_Miễn ngoại ngữ đầu ra_HK1/NH26-27 (05/09/2026 - 12/09/2026)”

Bước 5: Tải file minh chứng: nhấn vào biểu tượng  chọn hình ảnh chứng chỉ cần nộp => Open => File minh chứng:   Xem file

Bước 6: Sinh viên nhập các thông tin “Điểm nghe”, “Điểm đọc”, “Điểm nói”, “Điểm viết”, “Điểm tổng”, “Ngày thi”, “Địa điểm thi”, “Loại đăng ký”, Identification number.

Chú ý:

- Nếu sinh viên nộp chứng chỉ ngoại ngữ IELTS, sinh viên lưu ý nhập thông tin “Test Report Form Number” tại mục “Identification number”.

- Địa điểm thi: nhập nơi cấp chứng chỉ, ví dụ: IIG-VN, BritishCouncil, Trường ĐH KHXH-NV, Trường ĐH Ngân hàng,...

Bước 7: Nhấn nút lưu sẽ có thông báo cập nhật thành công. Hệ thống hiển thị trạng thái “Đang xử lý”, sinh viên vui lòng chờ kết quả hậu kiểm chứng chỉ và cập nhật kết quả trên hệ thống trong khoảng thời gian từ 3 ~ 5 tuần, phòng Đào tạo sẽ gửi thông báo trên trang online sinh viên khi hoàn tất quá trình miễn ngoại ngữ đầu ra./.